



BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Rx
PRESCRIPTION DRUG

2 Strips x 8 Capsules

Microencapsular Enteric Coated Capsule

STOMEX Cap.

(Omeprazole 20mg)

Microencapsular Enteric Coated Capsule
STOMEX Cap.

COMPOSITION Each capsule contains:

Omeprazole enteric - coated pellets (eqt. 20mg Omeprazole)

INDICATIONS, DOSAGE & ADMINISTRATION, CONTRA-

INDICATIONS: Please refer to the enclosed insert.

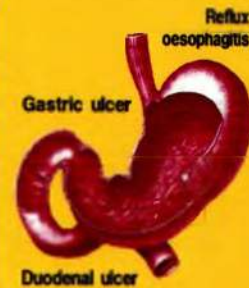
STORAGE: Store below 30°C, protect from light.

OTHER INFORMATION: Please refer to the enclosed insert.



Manufactured by

YOUNG POONG PHARMA, CO., LTD.
333, Hambangmoe-ro, Namdong-gu, Incheon City, KOREA



Omeprazole

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
CAREFULLY READ THE INSERT BEFORE USE

Lot. No / Số lô SX:
Mfg. Date / NSX :
Exp. Date / HD :

Rx
THUỐC BÁN THEO ĐƠN

2 vỉ x 8 viên nang

Viên nang chứa vi nang bao tan trong ruột

STOMEX Cap.

(Omeprazole 20mg)

THÀNH PHẦN Mỗi viên nang chứa:

Omeprazole vi nang bao tan trong ruột (tương đương 20mg Omeprazole)

CHỈ ĐỊNH, LIỀU DÙNG & CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH: Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

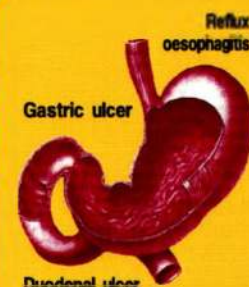
BẢO QUẢN: Bảo quản dưới 30°C, tránh ánh sáng.

CÁC THÔNG TIN KHÁC: Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.



Sản xuất bởi

YOUNG POONG PHARMA, CO., LTD.
333, Hambangmoe-ro, Namdong-gu, Incheon City, Hàn Quốc.



Omeprazole

Viên nang chứa vi nang bao tan trong ruột
STOMEX Cap.

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

Visa No. / SĐK :
Nhập khẩu bởi: www.trungtamthuoc.com

NAS

Handwritten signature/initials in the top right corner.

Rx PRESCRIPTION DRUG

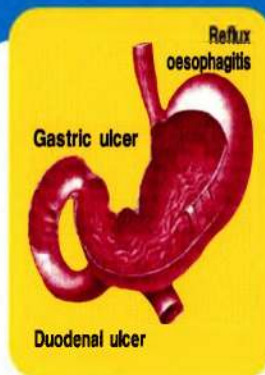
2 Strips x 8 Capsules

Microencapsular Enteric Coated Capsule

STOMEX Cap.

(Omeprazole 20mg)

CAREFULLY READ THE INSERT BEFORE USE.
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN



COMPOSITION: Each capsule contains:

Omeprazole enteric - coated pellets (eqt. 20mg Omeprazole)

INDICATIONS, DOSAGE & ADMINISTRATION, CONTRA-INDICATIONS: Please refer to the enclosed insert.

STORAGE: Store below 30°C, protect from light.

OTHER INFORMATION: Please refer to the enclosed insert.



Manufactured by

YOUNG POONG PHARMA. CO., LTD.

333, Hambangmoe-ro, Namdong-gu, Incheon City, KOREA



Visa No. : _____

J. H. Kim



Rx THUỐC BÁN THEO ĐƠN

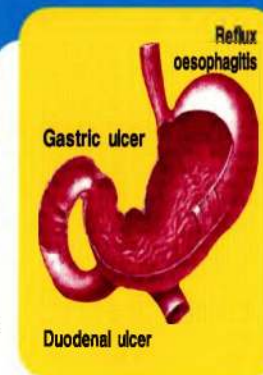
2 vỉ x 8 viên nang

Viên nang chứa vi nang bao tan trong ruột

STOMEX Cap.

(Omeprazole 20mg)

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM



THÀNH PHẦN: Mỗi viên nang chứa:

Omeprazole vi nang bao tan trong ruột (tương đương 20mg Omeprazole)

CHỈ ĐỊNH, LIỀU DÙNG & CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH: Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

BẢO QUẢN: Bảo quản dưới 30°C, tránh ánh sáng.

CÁC THÔNG TIN KHÁC: Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.



Sản xuất bởi

YOUNG POONG PHARMA. CO., LTD.

333, Hambangmoe-ro, Namdong-gu, Incheon City, Hàn Quốc



SDK: _____

THIẾT KẾ VỈ

D. H. Kim

Viên nang chứa vi nang bao tan trong ruột STOMEX Omeprazole 20mg Young Poong Pharm. Co., Ltd.	Microencapsular Enteric Coated Capsule STOMEX Omeprazole 20mg Lot No.: / Số lô SX: Exp. Date / HD :
Viên nang chứa vi nang bao tan trong ruột STOMEX Omeprazole 20mg Young Poong Pharm. Co., Ltd.	Microencapsular Enteric Coated Capsule STOMEX Omeprazole 20mg Lot No.: / Số lô SX: Exp. Date / HD :
Viên nang chứa vi nang bao tan trong ruột STOMEX Omeprazole 20mg Young Poong Pharm. Co., Ltd.	Microencapsular Enteric Coated Capsule STOMEX Omeprazole 20mg Lot No.: / Số lô SX: Exp. Date / HD :
Viên nang chứa vi nang bao tan trong ruột STOMEX Omeprazole 20mg Young Poong Pharm. Co., Ltd.	Microencapsular Enteric Coated Capsule STOMEX Omeprazole 20mg Lot No.: / Số lô SX: Exp. Date / HD :



Handwritten signature

Rx: Thuốc bán theo đơn

Microencapsular Enteric Coated Capsule

STOMEX Cap.

(Omeprazol 20 mg)

MÔ TẢ

Viên nang cứng chứa vi hạt omeprazol bao tan trong ruột.

THÀNH PHẦN:

Mỗi viên nang cứng chứa:

Omeprazol 20mg

Tá dược: Anhydrous lactose, Hypromellose, Hydroxypropyl cellulose, Natri lauryl sulfat, Dinatri hydrogen phosphat dodecahydrat, Hypromellose Phthalat, Diethyl phthalat, Sugar spheres, vỏ nang cứng màu nâu nhạt/vàng nhạt.

ĐẶC TÍNH DƯỢC LÝ:

Đặc tính dược lực học:

Omeprazol là một dẫn chất benzimidazol, thuộc nhóm chất chống tiết acid (ức chế bơm Proton), làm giảm nhẹ sự tiết acid dạ dày bằng cách ức chế đặc hiệu các enzym $H^+/K^+ATPase$, một hệ enzym liên quan tới bơm acid (Proton) trên bề mặt các tế bào thành, làm giảm và hạn chế sự tiết acid, bao gồm sự tiết acid sinh lý và sự tiết acid do kích thích. Liều dùng một lần hàng ngày nhanh chóng có tác dụng chống tiết, tác dụng này tùy thuộc vào liều và có tính thuận nghịch.

Tác dụng ức chế tiết acid

Sau khi uống, omeprazol có tác dụng chống tiết acid trong vòng một giờ, tác dụng tối đa đạt được trong vòng 2 giờ. Sau 24 tác dụng ức chế tiết acid bằng khoảng 50% mức tối đa và thời gian ức chế tiết kéo dài đến 72 giờ. Tác dụng chống tiết kéo dài hơn mong đợi trong khi nửa đời huyết tương rất ngắn (dưới 1 giờ), rõ ràng là do gắn kết lâu dài với enzym $H^+/K^+ATPase$ tế bào thành dạ dày. Khi ngừng thuốc, hoạt động tiết acid trở lại bình thường sau 3 - 5 ngày. Tác dụng ức chế tiết acid của omeprazol tăng dần với liều lặp lại hàng ngày, đạt mức ổn định sau 4 ngày.

Tác dụng trên *H. pylori*

H. pylori có liên quan với bệnh loét đường tiêu hóa, bao gồm bệnh loét dạ dày và tá tràng. *H. pylori* là một yếu tố chủ yếu trong sự phát triển viêm dạ dày. *H. pylori* và acid dạ dày là những yếu tố chủ yếu trong bệnh loét đường tiêu hóa. *H. pylori* là một yếu tố chủ yếu trong sự phát triển của viêm teo dạ dày có liên quan với tăng nguy cơ tiến triển ung thư dạ dày

Việc diệt *H. Pylori* bằng omeprazol và kháng sinh làm tăng tỷ lệ phục hồi và thuyên giảm lâu dài của loét đường tiêu hóa.

Phác đồ đôi qua thử nghiệm được thấy là ít hiệu quả hơn so với phác đồ ba trị liệu. Tuy nhiên, có thể xem xét trong trường hợp quá mẫn không thể sử dụng phác đồ ba.

NMB

Đặc tính dược động học:

Hấp thu

STOMEX gồm các hạt omeprazol bao tan trong ruột (vì omeprazol bị hủy ở môi trường acid), do vậy omeprazol chỉ bắt đầu được hấp thu sau khi các hạt được giải phóng ở dạ dày. Omeprazol hấp thu nhanh, đạt nồng độ đỉnh trong huyết tương khoảng 1-2 giờ sau khi uống. Sự hấp thu omeprazol xảy ra ở ruột non và thường hoàn toàn trong 3-6 giờ. Dùng đồng thời với thức ăn không ảnh hưởng đến sinh khả dụng của thuốc. Sinh khả dụng toàn thân sau khi uống liều duy nhất omeprazol là khoảng 40%. Sau khi lặp lại liều dùng hàng ngày, sinh khả dụng tăng đến khoảng 60%.

Phân bố

Thể tích phân bố trên người tình nguyện khỏe mạnh là xấp xỉ 0,3 lít/kg trọng lượng cơ thể. Gắn kết với Protein huyết tương khoảng 95%.

Chuyển hóa

Omeprazol được chuyển hóa hoàn toàn bởi hệ enzym cytochrome P450 (CYP). Phần lớn chất chuyển hóa của nó phụ thuộc vào các dạng CYP2C19, chịu trách nhiệm cho sự hình thành của hydroxyomeprazol, chất chuyển hóa chính trong huyết tương. Phần còn lại phụ thuộc vào các dạng cụ thể khác, CYP3A4, chịu trách nhiệm cho sự hình thành của omeprazol sulphon. Do ái lực cao của omeprazol với CYP2C19, có khả năng ức chế cạnh tranh và tương tác thuốc-chất chuyển hóa của thuốc với các chất khác qua CYP2C19. Tuy nhiên, do ái lực thấp với CYP3A4, omeprazol không có khả năng ức chế sự chuyển hóa của các chất khác qua CYP3A4. Ngoài ra, omeprazol không có tác dụng ức chế các enzym CYP chính.

Thải trừ

Sau khi uống liều duy nhất của omeprazol, rất ít dạng chưa chuyển hóa được bài tiết ở nước tiểu. Phần lớn liều (khoảng 77%) được bài tiết trong nước tiểu dưới dạng ít nhất của 6 chất chuyển hóa. Hai chất được nhận biết là hydroxyomeprazol và acid carboxylic tương ứng. Phần còn lại của liều được thải trừ qua phân. Điều này cho thấy Omeprazol chủ yếu được bài tiết qua mật.

Thông tin ở một số đối tượng đặc biệt

Suy chức năng gan

Chuyển hóa của omeprazol ở bệnh nhân bị suy chức năng gan, làm tăng diện tích dưới đường cong AUC. Omeprazol không có xu hướng tích lũy với liều dùng mỗi ngày một lần.

Suy chức năng thận

Dược động học của omeprazol, bao gồm sinh khả dụng toàn thân và tỷ lệ đào thải, ở bệnh nhân có suy chức năng thận là không đổi.

Người già

Tỷ lệ chuyển hóa của omeprazol có phần giảm ở người già (75-79 tuổi).

CHỈ ĐỊNH:

- Viêm dạ dày nặng, loét đường tiêu hoá kể cả loét dạ dày và tá tràng, trào ngược dạ dày thực quản, hội chứng Zollinger- Ellison (ZES).
- Phối hợp với kháng sinh thích hợp để diệt *H. pylori* ở bệnh nhân loét đường tiêu hóa.
- Điều trị và dự phòng loét dạ dày do NSAID.

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG:

- Loét tá tràng, loét dạ dày và trào ngược dạ dày thực quản: 20mg một lần hàng ngày vào bữa ăn sáng, dùng trong 2 tuần, nếu cần có thể dùng thêm 2 tuần nữa.
- Các trường hợp loét khó chữa: 40mg, một lần hàng ngày trong 4-8 tuần
- Hội chứng Zollinger-Ellison : bắt đầu 60mg, một lần hàng ngày và sau đó điều chỉnh liều theo đáp ứng. Liều trên 80mg hàng ngày nên chia làm 2 lần.
- Điều trị *H. pylori* trong bệnh loét dạ dày tá tràng

Để diệt trừ *H. pylori* việc lựa chọn kháng sinh nên cân nhắc trên khả năng dung nạp thuốc của từng bệnh nhân, và nên được thực hiện phù hợp theo hướng dẫn điều trị và mô hình kháng thuốc quốc gia, vùng và địa phương.

- Omeprazol 20 mg + Clarithromycin 500 mg + Amoxicillin 1000 mg, ngày hai lần trong một tuần, hoặc
- Omeprazol 20 mg + Clarithromycin 250 mg (hoặc 500 mg) + metronidazole 400 mg (hay 500 mg hoặc tinidazole 500 mg), ngày hai lần trong một tuần hoặc
- Omeprazol 40 mg mỗi ngày một lần với amoxicillin 500 mg và metronidazole 400 mg (hay 500 mg hoặc tinidazole 500 mg), ba lần một ngày trong một tuần.

Theo mỗi phác đồ, nếu bệnh nhân vẫn dương tính với *H. Pylori*, có thể điều trị lặp lại.

- Loét dạ dày do NSAID

Để điều trị loét dạ dày do NSAID, liều khuyến cáo là omeprazol 20 mg ngày một lần. Ở hầu hết các bệnh nhân, sự phục hồi diễn ra trong vòng 4 tuần. Với những bệnh nhân mà không thể phục hồi hoàn toàn sau thời gian trị liệu ban đầu, sự phục hồi thường biểu hiện trong 4 tuần trị liệu tiếp theo.

Dự phòng loét dạ dày do NSAID ở bệnh nhân có nguy cơ

Để dự phòng loét dạ dày do NSAID ở bệnh nhân có nguy cơ (trên 60 tuổi, bệnh nhân có tiền sử loét dạ dày, tiền sử chảy máu đường tiêu hóa trên), liều khuyến cáo là 20 mg omeprazol ngày một lần.

Nhóm bệnh nhân đặc biệt

Suy thận

Không cần hiệu chỉnh liều ở bệnh nhân suy chức năng thận (xem mục đặc tính dược động học).

Suy gan

Ở bệnh nhân suy gan, có thể dùng liều hàng ngày 10-20 mg (xem mục đặc tính dược động học)

Người già (trên 65 tuổi)

Không cần hiệu chỉnh liều ở người già (xem mục đặc tính dược động học).

Cách dùng: uống vào buổi sáng, uống nguyên viên với một cốc nước. Trong trường hợp bệnh nhân gặp khó khăn về nuốt có thể hòa viên thuốc với dịch có tính acid nhẹ (nước nho hoặc nước táo), không hòa cùng nước carbonic hóa, uống trong vòng 30 phút sau khi mở viên.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Quá mẫn với omeprazol, dẫn xuất benzimidazol hoặc bất cứ thành phần nào của thuốc
- Không phối hợp với nelfinavir, atazanavir.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG:

- Điều trị với các thuốc ức chế bơm proton có thể dẫn đến tăng nhẹ nguy cơ nhiễm khuẩn tiêu hóa, đặc biệt do Salmonella và Campylobacter.
- Điều trị với các thuốc ức chế bơm proton có thể dẫn đến tăng nguy cơ tiêu chảy do C.difficile.
- Gãy xương: Điều trị dài ngày và đa liều thuốc ức chế bơm proton có thể dẫn đến tăng nguy cơ gãy xương hông, xương cổ tay và xương sống do loãng xương.
- Giảm maginesi máu đã được báo cáo tuy hiếm khi điều trị lâu dài với các thuốc ức chế bơm proton.
- Viêm thận kẽ cấp tính cũng được thấy ở bệnh nhân dùng các thuốc ức chế bơm proton.
- Thiếu hụt Cyanocobalamin (Vitamin B12): Dùng dài ngày (ví dụ: trên 3 năm) có thể dẫn đến kém hấp thu hoặc thiếu hụt cyanocobalamin.

ẢNH HƯỞNG LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Thuốc không gây ảnh hưởng đến khả năng lái máy móc tàu xe. Tuy nhiên, phản ứng phụ như chóng mặt, rối loạn tầm nhìn có thể xảy ra. Nếu xảy ra các phản ứng phụ này, tránh lái máy móc tàu xe.

SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Phụ nữ có thai

Nghiên cứu dịch tễ học cho thấy omeprazol không ảnh hưởng gì đến thai hoặc trẻ sơ sinh. Có thể sử dụng ở phụ nữ có thai.

Phụ nữ cho con bú

Thuốc có đi qua sữa nhưng không ảnh hưởng gì đến trẻ nhỏ, liều điều trị có thể được sử dụng.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

Các tác dụng phụ thường gặp (1-10% bệnh nhân) là nhức đầu, đau bụng, táo bón, tiêu chảy, đầy hơi, buồn nôn, nôn.

Các phản ứng phụ sau đã được xác định hoặc nghi ngờ trong các chương trình thử nghiệm lâm sàng với omeprazol và sau lưu hành. Không có liên quan đến liều dùng. Các phản ứng phụ được liệt kê dưới đây được phân loại theo tần suất và hệ cơ quan. Phân loại theo tần suất được xác định theo quy ước: Rất thường gặp ($\geq 1/10$), Thường gặp ($\geq 1/100$ đến $< 1/10$), Không thường gặp ($\geq 1/1,000$ đến $< 1/100$), Hiếm gặp ($\geq 1/10,000$ đến $< 1/1,000$), Rất hiếm gặp ($< 1/10,000$), chưa biết tần suất (không đánh giá được từ dữ liệu sẵn có).

Hệ cơ quan (SOC)/Tần suất	Phản ứng phụ
Rối loạn máu và hệ bạch huyết	
Hiếm gặp:	Giảm bạch cầu, giảm tiểu cầu
Rất hiếm gặp:	Mất bạch cầu hạt, giảm tế bào máu
Rối loạn hệ miễn dịch	
Hiếm gặp:	Phản ứng quá mẫn, ví dụ sốt, phù mạch và phản ứng/sốc phản vệ
Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng	
Hiếm gặp:	Hạ natri máu
Rất hiếm gặp:	Hạ maginesi máu
Rối loạn tâm thần	
Không thường gặp:	Mất ngủ
Hiếm gặp:	Kích động, lú lẫn, trầm cảm
Rất hiếm gặp:	Hung hăng, ảo giác
Rối loạn hệ thần kinh	
Thường gặp:	Đau đầu
Không thường gặp:	Chóng mặt, dị cảm, buồn ngủ
Hiếm gặp:	Rối loạn vị giác
Rối loạn ở mắt	
Hiếm gặp:	Nhìn mờ
Rối loạn ở tai và tai trong	
Không thường gặp:	Chóng mặt
Các rối loạn hô hấp, lồng ngực và trung thất	
Hiếm gặp:	Co thắt phế quản
Rối loạn hệ tiêu hóa	
Thường gặp:	Đau bụng, táo bón, tiêu chảy, đầy hơi, buồn nôn, nôn
Hiếm gặp:	Khô miệng, viêm miệng, nấm candida đường tiêu hóa
Rối loạn gan mật	
Không thường gặp:	Tăng enzym gan
Hiếm gặp:	Viêm gan có hoặc không có vàng da
Rất hiếm gặp:	Suy gan, bệnh não ở bệnh nhân có bệnh gan từ trước
Rối loạn ở da và mô dưới da	

Không thường gặp:	Viêm da, ngứa, phát ban, nổi mề đay
Hiếm gặp:	Rụng tóc, nhạy cảm ánh sáng
Rất hiếm gặp:	Ban đỏ đa hình, hội chứng Stevens-Johnson, hoại tử biểu bì nhiễm độc (TEN)
Rối loạn cơ xương khớp và mô liên kết	
Hiếm gặp:	Đau khớp, đau cơ
Rất hiếm gặp:	Yếu cơ
Rối loạn thận và tiết niệu	
Hiếm gặp	Viêm thận kẽ
Hệ thống sinh sản và các rối loạn ở vú	
Rất hiếm gặp:	Vú to ở nam giới
Rối loạn toàn thân và tại chỗ	
Không thường gặp:	Mệt mỏi, phù ngoại biên
Hiếm gặp:	Tăng tiết mồ hôi

Thông báo cho bác sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

Những thuốc mà sinh khả dụng phụ thuộc vào pH dạ dày

Do tác dụng ức chế tiết acid dịch vị, trên lí thuyết omepra-zole có thể làm ảnh hưởng đến sự hấp thu của một số thuốc mà sinh khả dụng của chúng chủ yếu phụ thuộc vào pH dạ dày (như: Ketoconazole, ampicillin, và muối sắt

Những thuốc chuyển hóa bởi cytocrom P450 (CYP)

Omeprazol có thể kéo dài thời gian bài tiết của diazepam, warfarin và phenytoin, những thuốc được chuyển hóa bởi sự oxy hóa ở gan.

Mặc dù thông thường tương tác với theophylline hoặc propranolol chưa được biết đến, nhưng đã có những nghiên cứu lâm sàng về tương tác với những thuốc chuyển hóa bởi hệ thống cytochrome P450 (như: cyclosporine, disulram, benzodiazepines). Bệnh nhân nên được kiểm soát để nếu cần thiết phải điều chỉnh liều dùng của những thuốc này khi uống kết hợp cùng với STOMEX.

Chỉ định kết hợp Omeprazol và Viriconazole (thuốc kết hợp ức chế cả CYP2C19 và CYP3A4) cho kết quả gấp đôi khi sử dụng riêng omeprazol.

Nelfinavir, atazanavir

Nồng độ huyết tương của nelfinavir và atazanavir giảm khi dùng cùng với omeprazol. Chống chỉ định dùng đồng thời omeprazol với nelfinavir, atazanavir

Thuốc diệt virus

17/12

Omeprazol đã từng được báo cáo tương tác với một số thuốc kháng virus. Tầm quan trọng trên lâm sàng và cơ chế đằng sau những tương tác này là chưa được biết đến.

Thuốc kháng sinh

Omeprazol 40mg đã từng được dùng kết hợp với Clarithromycin 500 mg 8giờ một lần đối với đàn ông khỏe mạnh. Nồng độ trong huyết tương của Omeprazol ở trạng thái ổn định tăng khi kết hợp với Clarithromycin.

Tacrolimus

Khi kết hợp Omeprazol và Tacrolimus có thể làm tăng nồng độ trong huyết thanh của Tacrolimus.

QUÁ LIỀU:

Có ít thông tin về ảnh hưởng của quá liều omeprazol trên người. Trong các tài liệu, liều lên tới 560 mg đã được mô tả, và cũng đã nhận được các báo cáo thường xuyên khi dùng liều đơn tới 2.400 mg omeprazol (bằng 120 lần liều khuyến cáo lâm sàng). Đã có báo cáo về buồn nôn, nôn, chóng mặt, đau bụng, tiêu chảy và đau đầu. Lạnh đạm, trầm cảm và lẫn lộn cũng được mô tả trong một vài trường hợp đơn lẻ.

Các triệu chứng được mô tả là thoáng qua, và không gây hậu quả nghiêm trọng. Tỷ lệ thải trừ là không đổi (động học bậc 1) khi tăng liều. Điều trị triệu chứng nếu cần thiết.

BẢO QUẢN: Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh sáng

ĐÓNG GÓI: Hộp 2 vỉ x 8 viên nang.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sỹ

Sản xuất bởi:

YOUNG – POONG PHARMACEUTICAL CO., LTD

333, Hambangmoe-Ro, Namdong-gu, Incheon City, Hàn Quốc.



TU. CỤC TRƯỞNG,
P. TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Huy Hùng

Phân phối



MERAP GROUP

Tel: 08 6265 1638 - 04 3783 3848
www.merapgroup.com.vn

MA2